

Bản án số: 11/2022/KDTM - PT

Ngày 28/12/2022

“*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Thẩm phán: Ông Ngô Văn Thắng và ông Bùi Đức Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Minh Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLPT-KDTM ngày 11/11/2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2022/KDTM-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 80/2022/QĐ-PT ngày 25/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2022/QĐ-PT ngày 13/12/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng G (G), địa chỉ: tòa nhà Capital Tower, T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện: ông **Vũ Hồng M** – Chức vụ: Phó phòng, Phòng kinh doanh, G - Chi nhánh Quảng Ninh, là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền lại số: 03/2022/UQ-GĐ ngày 21/4/2022;

Địa chỉ liên hệ: số nhà 29, đường 25/4, phường HG, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông **Phạm Sỹ Hùng** và ông **Đặng Quốc Anh** – Luật sư Công ty Luật TNHH A, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: số 701 N, phường H1, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, đều vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: anh **Nguyễn Việt A** và chị **Bùi Thị H**; cùng địa chỉ: tổ 5, khu 7, phường V, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

Người đại diện: anh **Nguyễn Thế M**; địa chỉ: thôn C1, xã V1, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, là người đại diện theo ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 05/10/2022, có mặt.

3. Người kháng cáo: bị đơn anh Nguyễn Việt A và chị Bùi Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng G, là ông Vũ Hồng M trình bày:*

Ngày 30/9/2020, G – Chi nhánh Quảng Ninh và anh Nguyễn Việt A - chị Bùi Thị H ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 0054/2020/QNI22/HĐHM, với các nội dung chủ yếu như sau: số tiền vay không vượt quá 1.000.000.000 đồng; mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh; thời gian duy trì hạn mức: 12 tháng, tính từ ngày 30/9/2020 đến hết ngày 30/9/2021; thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng.

Ngày 29/9/2021, G – Chi nhánh Quảng Ninh đã giải ngân cho anh A – chị H vay số tiền 1.000.000.000 đồng; mục đích vay thanh toán tiền nhập hàng cho cửa hàng phụ tùng ô tô; thời hạn vay là 06 tháng, từ ngày 30/9/2021 đến ngày 29/3/2022; phương thức trả nợ: trả nợ gốc linh hoạt, ngày trả nợ gốc cuối cùng 29/3/2022; lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế vào ngày 25 hàng tháng, ngày trả lãi đầu tiên là ngày 25/10/2021; lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất cho vay ưu đãi 03 tháng đầu là 7,2%/năm, lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo được xác định theo thông báo của G tại thời điểm xác định lãi suất cho vay, tuân thủ theo chính sách lãi suất của G tại từng thời điểm điều chỉnh lãi suất. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, xác định theo thông báo của G tại thời điểm xác định lãi suất cho vay, tuân thủ lãi suất cho vay của G tại từng thời kỳ điều chỉnh lãi suất. Trong thời gian ưu đãi lãi suất G sẽ chấm dứt ưu đãi lãi suất và yêu cầu bên vay phải bồi hoàn lại toàn bộ tiền ưu đãi lãi suất cho vay khi thuộc một trong các trường hợp: bên vay bị phát sinh quá hạn nợ gốc/lãi 10 ngày trở lên; bên vay sử dụng vốn vay sai mục đích; bên vay vi phạm các cam kết tại Hợp đồng tín dụng, thể hiện tại Giấy nhận nợ số: 0054/2021/QNI22/GNN003 được ký kết vào ngày 29/9/2021.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay: quyền sử dụng đất có diện tích 382,5m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 50; địa chỉ: tổ 9 (nay là tổ 5), khu 7, phường Việt Hưng, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 072546, số vào sổ cấp GCN: CH00586 do Ủy ban nhân dân thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 28/12/2012 mang tên ông Nguyễn Việt A, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 054/2020/HĐTC/GPB- QNI ngày 29/9/2020 được công chứng tại Văn phòng công chứng Quảng Ninh, số công chứng: 8552, quyền số 01/2020 TP/CC- SCC/HĐGD và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng: anh A - chị H, chỉ trả nợ gốc được 59.000.000 đồng và tiền lãi 05 tháng là 1.777.781 đồng. Do anh A và chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 0054/2020/QNI22/HĐHM ngày 30/9/2020 và giấy nhận nợ số: 0054/2021/QNI22/GNN003 ngày 29/9/2021. G yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc anh A và chị H có nghĩa vụ trả nợ cho G tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (22/9/2022) là: 1.026.839.206 đồng, trong đó: nợ gốc quá hạn là: 941.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 63.588.128 đồng; nợ lãi quá hạn là: 22.251.078 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 0054/2020/QNI22/HĐHM ngày 30/9/2020

và Giấy nhận nợ số: 0054/2020/QNI22/GNN003 ngày 29/9/2021, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trong trường hợp anh A và chị H không trả được các khoản nợ nêu trên thì G có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp như nêu trên để thu hồi nợ.

** Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Việt A và chị Bùi Thị H trình bày: thừa nhận chưa trả hết nợ gốc và lãi cho G như người đại diện của G trình bày, không có ý kiến gì về số tiền gốc và lãi còn nợ G. Anh chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của G với lý do vẫn đang trả nợ cho G, đề nghị G cơ cấu lại nợ, được giãn nợ đến cuối năm 2022, anh chị sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho G.*

** Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/7/2022 đối với tài sản thế chấp, xác định: quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 072546, vào sổ cấp GCN số: CH00586 do Ủy ban nhân dân thành phố HL cấp ngày 28/12/2012 mang tên ông Nguyễn Việt A có diện tích là 382,5m²; tài sản gắn liền với đất là công trình mái tôn có diện tích là 243,7m².*

Với nội dung trên, tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2022/KDTM-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 264; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 280; Điều 293; Điều 317; Điều 318; Điều 322 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng G đối với bị đơn anh Nguyễn Việt A, chị Bùi Thị H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Việt A, chị Bùi Thị H phải liên đới thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng G khoản tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 22/9/2022 theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 0054/2020/QNI22/HĐHM ngày 30/9/2020 và Giấy nhận nợ số: 0054/2020/QNI22/GNN003 ngày 29/9/2021 với số tiền là: 1.026.839.206 đồng, trong đó: nợ gốc quá hạn là: 941.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 63.588.128 đồng; nợ lãi quá hạn là: 22.251.078 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2022, cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, bị đơn anh Nguyễn Việt A, chị Bùi Thị H còn phải liên đới trả khoản lãi với mức lãi suất theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 0054/2020/QNI22/HĐHM ngày 30/9/2020 và Giấy nhận nợ số: 0054/2020/QNI22/GNN003 ngày 29/9/2021.

Trong trường hợp bị đơn anh Nguyễn Việt A, chị Bùi Thị H không thanh toán được các khoản nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho nguyên đơn Ngân hàng G thì Ngân hàng G có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 382,5m² và công trình mái tôn có diện tích 243,7m² cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 50; địa chỉ tại: tổ 9 (nay là tổ 5), khu 7, phường Việt Hưng, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 072546, vào sổ cấp GCN số: CH00586 do Ủy ban nhân dân thành phố HL cấp ngày 28/12/2012 mang tên ông Nguyễn Việt A, được xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/7/2021 (có bản đồ khảo sát hiện trạng sử dụng đất kèm theo) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 054/2020/HĐTC/GPB- QNI ngày 29/9/2020 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng G - Chi nhánh Quảng Ninh và bên thế chấp là anh Nguyễn Việt A để để thu hồi nợ.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, về chi phí tố tụng, về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định.

Ngày 05/10/2022, bị đơn anh Nguyễn Việt A và chị Bùi Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do:

- Thứ nhất, về nghĩa vụ trả nợ: anh chị không đồng ý trả nợ tất toán cho G vì mặc dù theo như hợp đồng cấp hạn mức được tính từ ngày 30/9/2022, thời hạn duy trì hạn mức được tính từ ngày 30/9/2020 đến hết ngày 30/9/2021. Tuy nhiên, đến trước ngày hết thời hạn, anh chị đã làm việc với G và được chấp nhận gia hạn hợp đồng này, G đề nghị anh chị sắp xếp tiền để tất toán khoản vay theo hợp đồng nêu trên, sau đó sẽ cấp hạn mức bằng hợp đồng khác. Nhưng đến ngày 28/9/2022 (trước ngày trả nợ 01 ngày), G đột ngột thông báo không tái cấp hạn mức. Việc đột ngột ngừng tái cấp dẫn đến việc sử dụng vốn lưu động trong kinh doanh không được đảm bảo, ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế gia đình. Hàng tháng vẫn phải trả lãi như khoản vay chưa quá hạn.

- Thứ hai, về lãi suất: theo Điều 2 Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0054/2020/QNI22/HĐHM ngày 30/9/2020, quy định về lãi suất cho vay có ba phương thức tính lãi: lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất trên dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất chấm trả lãi. Tuy nhiên các bảng kê và thông báo mà G cung cấp cho Tòa án thể hiện G đang áp dụng thêm lãi phạt. Lãi phạt theo G giải thích là lãi tính trên tổng nợ gốc và nợ lãi quá hạn theo lãi suất phạt. Như vậy, việc G áp dụng lãi phạt là không có căn cứ và không được pháp luật cho phép.

Yêu cầu G điều chỉnh khoản vay về nợ trong hạn, với thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày hết hạn hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 0054/2020/QNI22/HĐHM ngày 30/9/2020 và điều chỉnh CIC về nhóm nợ tiêu chuẩn; yêu cầu G không được áp dụng lãi phạt đối với khoản vay nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Việt A và chị Bùi Thị H là anh Nguyễn Thế M trình bày: các bị đơn xin rút một phần kháng cáo về nội dung yêu cầu G điều chỉnh khoản vay về nợ trong hạn, với thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày hết hạn Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 0054/2020/QNI22/HĐHM ngày 30/9/2022 và điều chỉnh CIC về nhóm nợ tiêu chuẩn và xin bổ sung nội dung

kháng cáo yêu cầu xem xét lại cách tính lãi trong hạn và lãi quá hạn của khoản vay, các bị đơn không đồng ý với tổng số tiền mà Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho G. Tại phiên tòa, sau khi được tiếp cận tài liệu do nguyên đơn G cung cấp, tôi đồng ý với nội dung diễn giải về việc tính lãi trong hạn, lãi quá hạn,... đối với khoản vay của các bị đơn đã cung cấp tại Tòa án cấp phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (22/9/2022) mà các bị đơn phải trả cho nguyên đơn G và mức án phí sơ thẩm các bị đơn phải chịu.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, là anh Nguyễn Thế M và Kiểm sát viên, đều không xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: phân tích các tình tiết của vụ án, căn cứ tài liệu do nguyên đơn G cung cấp trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Căn cứ Điều 289; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn đã rút tại phiên tòa; sửa bản án sơ thẩm về tổng số tiền bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn từ 1.026.839.206 đồng thành 1.020.611.936 đồng và tiền án phí sơ thẩm sửa từ 42.805.000 đồng thành 42.618.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Việt A và chị Bùi Thị H làm trong hạn luật định. Theo quy định tại Điều 28 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: “*Người kháng cáo theo trình tự phúc thẩm phải nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trừ trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí hoặc được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định...*”, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ yêu cầu anh Nguyễn Việt A và chị Bùi Thị H nộp chung số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng là không đúng. Tuy nhiên, đây là sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Để đảm bảo quyền lợi của người kháng cáo, Hội đồng xét xử vẫn chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm theo Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Việt A và chị Bùi Thị H.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, theo yêu cầu của Tòa án: nguyên đơn G đã cung cấp các tài liệu sau: 01 bảng tính gốc lãi quá hạn từ ngày 25/3/2022 đến ngày 22/9/2022; 01 bảng tổng hợp số liệu tính đến ngày 22/9/2022 (gồm các khoản: nợ gốc quá hạn, nợ lãi đến hạn chưa thu được, nợ lãi trên phần nợ gốc quá

hạn (tính 100% lãi trong hạn), nợ lãi trên phần nợ gốc quá hạn (tính 50% lãi trong hạn), nợ lãi trên phần nợ lãi đến hạn chưa thu được (tính 10% lãi trong hạn); 01 bảng tính thu hồi lãi suất ưu đãi đề ngày 22/9/2022 và bảng tổng hợp số liệu đến ngày 22/9/2022 (gồm các khoản: nợ gốc quá hạn 941.000.000 đồng, lãi trong hạn 57.360.858 đồng và lãi quá hạn 22.251.078 đồng. Tổng cộng 1.020.611.936 đồng).

Người đại diện của nguyên đơn G, là ông Vũ Hồng M và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, là ông Phạm Sỹ Hùng và ông Đặng Quốc Anh; đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, là ông Phạm Sỹ Hùng và ông Đặng Quốc Anh đều gửi Bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn G. Căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Việt A và chị Bùi Thị H:

[2.1] Đối với nội dung kháng cáo: bị đơn anh Nguyễn Việt A và chị Bùi Thị H không đồng ý trả nợ tất toán cho G; yêu cầu G điều chỉnh khoản vay về nợ trong hạn, với thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày hết hạn Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 0054/2020/QNI22/HĐHM ngày 30/9/2022 và điều chỉnh CIC về nhóm nợ tiêu chuẩn. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, là anh Nguyễn Thế M đã rút nội dung kháng cáo này. Căn cứ khoản 3 Điều 284 và khoản 3 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với nội dung kháng cáo này.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu G không được áp dụng lãi phạt đối với khoản vay của bị đơn anh Nguyễn Việt A và chị Bùi Thị H. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm yêu cầu nguyên đơn G cung cấp tài liệu và diễn giải về việc tính gốc, lãi quá hạn đối với khoản vay của anh Nguyễn Việt A – chị Bùi Thị H theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 0054/2020/QNI22/HĐHM ngày 30/9/2020 và Giấy nhận nợ số: 0054/2020/QNI22/GNN003 ngày 29/9/2021. G đã cung cấp các tài liệu sau: 01 bảng tính gốc lãi quá hạn từ ngày 25/3/2022 đến ngày 22/9/2022; 01 bảng tổng hợp số liệu tính đến ngày 22/9/2022 (gồm các khoản: nợ gốc quá hạn, nợ lãi đến hạn chưa thu được, nợ lãi trên phần nợ gốc quá hạn (tính 100% lãi trong hạn), nợ lãi trên phần nợ gốc quá hạn (tính 50% lãi trong hạn), nợ lãi trên phần nợ lãi đến hạn chưa thu được (tính 10% lãi trong hạn); 01 bảng tính thu hồi lãi suất ưu đãi đề ngày 22/9/2022, là 5.984.000 đồng và bảng tổng hợp số liệu đến ngày 22/9/2022 (gồm các khoản: nợ gốc quá hạn 941.000.000 đồng, lãi trong hạn 57.360.858 đồng và lãi quá hạn 22.251.078 đồng. Tổng cộng 1.020.611.936 đồng). Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn được tiếp cận tài liệu do nguyên đơn G cung cấp, đã đồng ý với nội dung diễn giải về việc tính lãi trong hạn, lãi quá hạn, tính thu hồi lãi suất ưu đãi và xác định số tiền bị đơn anh Nguyễn Việt A – chị Bùi Thị H còn nợ G tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (22/9/2022) là: nợ gốc quá hạn 941.000.000 đồng, lãi trong hạn 57.360.858 đồng và lãi quá hạn 22.251.078 đồng. Tổng cộng 1.020.611.936 đồng.

Tại bản án sơ thẩm xác định tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2022, bị đơn anh Nguyễn Việt A - chị Bùi Thị H còn nợ nguyên đơn G số tiền là: 1.026.839.206 đồng, trong đó: nợ gốc quá hạn là: 941.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 63.588.128 đồng, nợ lãi quá hạn là: 22.251.078 đồng, là có sai sót. Theo Hợp đồng cấp hạn mức

tín dụng số: 0054/2020/QNI22/HĐHM ngày 30/9/2020 và Giấy nhận nợ số: 0054/2020/QNI22/GNN003 ngày 29/9/2021 thì số tiền vay là 1.000.000.000 đồng; thời gian duy trì hạn mức: 12 tháng, từ ngày 30/9/2020 đến ngày 30/9/2021; phương thức trả nợ theo giấy nhận nợ: trả gốc linh hoạt, ngày trả nợ gốc cuối cùng: 29/3/2022; lãi hàng tháng theo dư nợ thực tế vào ngày 25 hàng tháng, ngày trả lãi đầu tiên vào ngày 25/10/2021; lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất cho vay ưu đãi 03 tháng đầu là 7,2%/năm; lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh mỗi tháng 01 lần, lãi suất chậm trả là 10%/năm, lãi suất quá hạn là 150%/năm lãi suất trong hạn. Theo đó số tiền bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn G tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2022 là 1.020.611.936 đồng, trong đó: nợ gốc quá hạn là: 941.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 6.550.986 đồng; nợ lãi quá hạn là: 66.753.234 đồng; lãi phạt trong hạn: 323.716 đồng và 5.984.000 đồng tiền thu hồi lãi được ưu đãi.

[2.3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: do xác định số tiền bị đơn anh Nguyễn Việt A - chị Bùi Thị H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn G tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2022 là 1.020.611.936 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Việt A - chị Bùi Thị H phải chịu 42.618.000 đồng.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Việt A - chị Bùi Thị H, sửa bản án sơ thẩm về phần số tiền bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn G và số tiền án phí kinh doanh thương mại bị đơn phải chịu.

[3] Về án phí phúc thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Việt A - chị Bùi Thị H, sửa bản án sơ thẩm. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Việt A - chị Bùi Thị H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm vào tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Việt A - chị Bùi Thị H phải chịu.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] **Chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về nội dung giải quyết vụ án.**

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 3 Điều 284 và Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo yêu cầu Ngân hàng G điều chỉnh khoản vay về nợ trong hạn, với thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày hết hạn Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 0054/2020/QNI22/HĐHM ngày 30/9/2020 và điều chỉnh CIC về nhóm nợ tiêu chuẩn.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Việt A và chị Bùi Thị H. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2022/KDTM-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 148; Điều 157 và khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng. Điều 280; Điều 293; Điều 317; Điều 318; Điều 322 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng G đối với anh Nguyễn Việt A và chị Bùi Thị H.

[1.1] Anh Nguyễn Việt A và chị Bùi Thị H có nghĩa vụ trả Ngân hàng G số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2022, là **1.020.611.936 đồng**, trong đó: nợ gốc là: 941.000.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi một triệu đồng*); nợ lãi trong hạn là: 6.550.689 đồng (*Sáu triệu, năm trăm năm mươi nghìn, sáu trăm tám chín đồng*); nợ lãi quá hạn là: 66.753.234 đồng (*Sáu mươi sáu triệu, bảy trăm năm ba nghìn, hai trăm ba tư đồng*); lãi phạt trong hạn là: 323.716 đồng (*Ba trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm mười sáu đồng*) và tiền thu hồi lãi được ưu đãi là: 5.984.000 đồng (*Năm triệu, chín trăm tám mươi tư nghìn đồng*).

[1.2] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2022 cho đến khi thanh toán xong, anh Nguyễn Việt A và chị Bùi Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 0054/2020/QNI22/HĐHM ngày 30/9/2020 và Giấy nhận nợ số 0054/2020/QNI22/GNN003 ngày 29/9/2021.

[1.3] Trong trường hợp anh Nguyễn Việt Anh và chị Bùi Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng G thì Ngân hàng thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng G. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 382,5m² và tài sản gắn liền với đất là công trình mái tôn có diện tích 243,7m² cùng toàn bộ tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 50; địa chỉ tại: tổ 9 (nay là tổ 5), khu 7, phường Việt Hưng, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 072546, vào sổ cấp GCN số: CH00586 do Ủy ban nhân dân thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 28/12/2012 mang tên ông Nguyễn Việt A, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 054/2020/HĐTC/GPB- QNI ngày 29/9/2020 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng G - Chi nhánh Quảng Ninh và bên thế chấp là anh Nguyễn Việt A.

[2] Về án phí:

Bị đơn anh Nguyễn Việt A và chị Bùi Thị H phải chịu 42.618.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu, sáu trăm mười tám nghìn đồng*) án phí kinh doanh sơ thẩm, được trừ

vào 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001086 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh. Anh Nguyễn Việt A và chị Bùi Thị H còn phải nộp 40.618.000 đồng (*Bốn mươi triệu, sáu trăm mười tám nghìn đồng*) án phí.

Anh Nguyễn Việt A và chị Bùi Thị H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Trả lại Ngân hàng G số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 21.115.000 đồng (*Hai mươi một triệu, một trăm mười lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000775 ngày 07/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh.

[3] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng G tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*), đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thành phố HL;
- Chi cục THADS thành phố HL;
- Lưu VP; HSV.A.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Hằng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Ánh

Bùi Đức Thanh

Nguyễn Thúy Hằng